

BỘ QUỐC PHÒNG
Số: *97*/2010/TT-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong lực lượng dân quân tự vệ

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP, ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Sau khi thống nhất với Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương/Bộ Nội vụ (tại Công văn số 1758/BTĐKT-VI, ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương);

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,

THÔNG TƯ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về thi đua và khen thưởng trong lực lượng dân quân tự vệ, gồm hình thức, nội dung tổ chức thi đua; các danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng và mức tiền thưởng; quy trình, hồ sơ tiến hành xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho tập thể, cá nhân trong lực lượng dân quân tự vệ và tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân

quân tự vệ quy định tại Điều 4, 17, 18, 20, Khoản 1 Điều 21; Khoản 1 Điều 22; Khoản 1 Điều 23; Điều 24 của Luật dân quân tự vệ, cụ thể:

1. Đối với tập thể, cá nhân trong lực lượng dân quân tự vệ:

a) Các đơn vị dân quân tự vệ nòng cốt từ cấp tiểu đội và tương đương trở lên;

b) Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt;

c) Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi được huy động làm nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự theo mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền, quy định tại Điều 44 Luật dân quân tự vệ.

2. Đối với tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân quân tự vệ:

a) Cán bộ Thôn đội, cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương;

b) Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Đảng ở Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi chung là bộ, ngành trung ương), cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức ở cơ sở);

c) Cán bộ, chiến sỹ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Quân khu, Quân chủng, Binh chủng, Binh đoàn, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 6 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi chung là Luật Thi đua, Khen thưởng); Điều 3, Điều 4 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và những quy định cụ thể sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua, xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với lực lượng dân quân tự vệ do cơ quan quân sự các cấp thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ đạo, quản lý của cơ quan quân sự cấp trên và phối hợp của cơ quan thi đua, khen thưởng cùng cấp.

2. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, nếu đã được xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng trong lĩnh vực khác thì không xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng trong lực lượng dân quân tự vệ, hoặc đã được xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng trong lực lượng dân quân tự vệ thì không xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng trong các lĩnh vực khác.

3. Những trường hợp đang xem xét, đề nghị khen thưởng mà bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật hoặc có đơn thư khiếu nại tố cáo chưa được xác minh, làm rõ thì chưa xét khen thưởng.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng

Thực hiện theo Điều 8, 9, 10 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và những quy định cụ thể sau:

1. Bộ Quốc phòng chỉ đạo phong trào thi đua; phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với dân quân tự vệ trong phạm vi toàn quốc.

2. Các quân khu, Quân chủng Hải quân: Tổ chức và chỉ đạo phong trào thi đua; phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với lực lượng dân quân tự vệ thuộc phạm vi quản lý của cấp mình.

3. Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Tổ chức phong trào thi đua; phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với lực lượng dân quân tự vệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở: Tổ chức phong trào thi đua; phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với lực lượng dân quân tự vệ thuộc quyền.

5. Cơ quan dân quân tự vệ các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan thi đua, khen thưởng cùng cấp giúp cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng cùng cấp tổ chức thực hiện phong trào thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với lực lượng dân quân thuộc quyền.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG, PHẠM VI TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên

Được tổ chức phát động vào đầu năm, nhằm phát động cán bộ, chiến sỹ dân

quân tự vệ phấn đấu thực hiện tốt nhất mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch công tác hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của mỗi cá nhân hoặc tập thể.

2. Thi đua theo đợt hoặc thi đua theo chuyên đề

Được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ công tác trọng tâm, đột xuất theo từng giai đoạn và thời gian được xác định, nhằm phát động cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ phấn đấu thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ đột xuất hoặc những nhiệm vụ khó khăn phức tạp như sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ biên giới, biển, đảo, diễn tập, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, bảo vệ và phòng chống cháy rừng, bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phù hợp với thực tế của địa phương, cơ sở, đơn vị dân quân tự vệ. Tổ chức thi đua trong lực lượng dân quân tự vệ gắn liền với phong trào thi đua Quyết thắng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất tổ chức xây dựng, huấn luyện và hoạt động của dân quân tự vệ để xác định hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức, vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt cho các đối tượng tham gia thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 7. Phạm vi tổ chức thi đua

1. Tùy theo tính chất, nội dung, mục tiêu thi đua, phong trào thi đua của lực lượng dân quân tự vệ có thể tổ chức phát động trong phạm vi toàn quốc, toàn quân khu, hoặc trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Việc phát động thi đua thường xuyên hằng năm, chủ yếu trong phạm vi từ cấp tỉnh, Quân chủng Hải quân và bộ, ngành Trung ương trở xuống.

Điều 8. Danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể:

- a) Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng;
- b) Danh hiệu Đơn vị tiên tiến.

2. Đối với cá nhân:

- a) Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc;
- b) Danh hiệu Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng;
- c) Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở;
- d) Danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Đơn vị Quyết thắng

Xét tặng thường xuyên hàng năm cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan tổ chức ở cơ sở; đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn và tương đương, đạt được các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; 100% các nội dung thi hoặc kiểm tra đạt yêu cầu trở lên, trong đó có ít nhất 80% đạt khá, giỏi;
- b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- c) Có cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;
- d) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Đơn vị tiên tiến

Xét tặng thường xuyên hàng năm cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan tổ chức ở cơ sở; đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn và tương đương, đạt được các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; 100% các nội dung thi hoặc kiểm tra đạt yêu cầu trở lên, trong đó có ít nhất 65% đạt khá, giỏi;
- b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- c) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

Xét tặng thường xuyên hàng năm cho cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cán bộ chuyên trách đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương có thành tích tiêu biểu xuất sắc, lựa chọn trong số những cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng; được mọi người tín nhiệm, suy tôn, xứng

đáng là tấm gương học tập trong toàn quốc.

2. Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng.

Xét tặng thường xuyên hằng năm cho cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cán bộ chuyên trách đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương có thành tích tiêu biểu xuất sắc, lựa chọn trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; được mọi người tín nhiệm, suy tôn, xứng đáng là tấm gương học tập trong toàn lực lượng dân quân tự vệ.

3. Chiến sỹ thi đua cơ sở.

Xét tặng thường xuyên hằng năm cho cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cán bộ chuyên trách đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương đạt được các tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến; đồng thời phải có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoặc áp dụng khoa học công nghệ mới, có giải pháp hữu ích cải tiến lề lối làm việc nâng cao hiệu quả học tập, công tác, lao động sản xuất; hoặc có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ và cương vị được giao, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của cơ quan, đơn vị; được mọi người tín nhiệm, suy tôn.

4. Chiến sỹ tiên tiến.

Xét tặng thường xuyên hằng năm cho cán bộ chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cán bộ chuyên trách đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ theo chức trách và cương vị được giao (sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xung kích trong bảo vệ sản xuất, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa; vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng cơ sở, địa phương vững mạnh);

b) Thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình huấn luyện. Đối với các nội dung thi hoặc kiểm tra, phải có 100% các nội dung đạt yêu cầu trở lên, trong đó có ít nhất 65% đạt khá, giỏi;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ lao động sản xuất, học tập, công tác;

d) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tình thần đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua; có đạo đức, lối sống lành mạnh.

Điều 11. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể.

a) Đơn vị Quyết thắng: Không quá 5% so với tổng số đầu mỗi đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn và tương đương;

b) Đơn vị tiên tiến: Không quá 35% so với tổng số đầu mỗi đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn và tương đương.

2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân.

a) Chiến sỹ thi đua toàn quốc: Chọn những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong số cá nhân có 2 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng.

b) Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng: Chọn những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong số cá nhân có 3 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.

c) Chiến sỹ thi đua cơ sở: Không quá 5% so với tổng quân số dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương.

d) Chiến sỹ tiên tiến: Không quá 20% so với tổng quân số dân quân tự vệ thường trực, cơ động, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 12. Hình thức khen thưởng

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, các hình thức khen thưởng chủ yếu áp dụng đối với lực lượng dân quân tự vệ gồm:

1. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Huân chương, gồm:

a) Huân chương Quân công hạng nhất, nhì, ba;

b) Huân chương Chiến công hạng nhất, nhì, ba;

c) Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhất, nhì, ba;

d) Huân chương Dũng cảm.

3. Bằng khen, gồm:

a) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

b) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

c) Bằng khen của người đứng đầu bộ, ngành trung ương;

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Giấy khen, gồm:

- a) Giấy khen của Tư lệnh quân khu, Quân chủng Hải quân;
 - b) Giấy khen của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;
 - c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - đ) Giấy khen của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;
 - e) Giấy khen của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương;
5. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”.

6. Ngoài các hình thức khen thưởng nêu trên, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức động viên phù hợp đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong phong trào thi đua.

Điều 13. Đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng

1. Đối với các hình thức khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đến Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo các Điều: 39, 40, 41, 45, 46, 47, 48, 50, 60, 70, 71 của Luật Thi đua, Khen thưởng và các Điều: 25, 26, 27, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 38, 43, 49 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với các hình thức khen thưởng Bằng khen của người đứng đầu cơ quan, tổ chức ở trung ương; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Thực hiện theo các Điều: 72, 74, 75, 76 Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định cụ thể của người đứng đầu bộ, ngành trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

a) Đối với cá nhân: Tặng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có 2 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và có 01 lần được tặng Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị các cấp;

- Lập được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đột xuất, hoặc trong thực hiện các cuộc vận động, các phong trào, do Bộ Quốc phòng phát động.

b) Đối với tập thể: Tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt một trong các tiêu chuẩn:

- Có 2 năm liên tục đạt danh hiệu Đơn vị Quyết thắng;

- Lập được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đột xuất, hoặc trong thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua do Bộ Quốc phòng phát động.

4. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị các cấp.

Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị các cấp tặng cho cá nhân, tập thể hoàn thành tốt các phong trào, các cuộc vận động hoặc nhiệm vụ đột xuất do đơn vị tổ chức phát động, tiêu chuẩn Giấy khen do Thủ trưởng đơn vị các cấp quy định, nhưng phải đạt được các tiêu chuẩn chung sau đây:

a) Đối với cá nhân.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách được giao;
- Có phẩm chất, đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội;
- Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đối với tập thể.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Nội bộ đoàn kết, thống nhất; chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; không có vụ việc vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

5. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”.

a) Tặng cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ có thời gian công tác trong lực lượng dân quân tự vệ từ đủ 06 năm trở lên; luôn hoàn thành chức trách, nhiệm vụ dân quân tự vệ, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Tặng cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ lập được thành tích xuất sắc, được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khen thưởng (không phụ thuộc vào thời gian công tác trong lực lượng dân quân tự vệ; chưa được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”);

c) Tặng cho cá nhân không thuộc lực lượng dân quân tự vệ có nhiều công lao, cống hiến, chăm lo tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, được cấp có thẩm quyền công nhận;

d) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng” chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân.

Chương IV THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, QUY TRÌNH, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền quyết định

Thực hiện theo Điều 77, 78, 79, 80, 81 của Luật Thi đua, Khen thưởng và những quy định về quyền hạn của Thủ trưởng đơn vị các cấp trong Quân đội, cụ thể như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

a) Công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng; tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”;

b) Công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở cho cán bộ Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương.

2. Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu:

a) Công nhận danh hiệu Đơn vị Quyết thắng cho tập thể đơn vị dân quân tự vệ thường trực, cơ động cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở;

b) Tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân dân quân tự vệ thuộc Quân khu quản lý.

3. Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân:

Công nhận danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, Đơn vị Tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Chiến sỹ tiên tiến, tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân lực lượng tự vệ biển thuộc Quân chủng Hải quân quản lý.

4. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương:

Công nhận danh hiệu Đơn vị Tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ tiên tiến; tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân tự vệ thuộc Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương quản lý.

5. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh:

a) Công nhận danh hiệu Đơn vị Tiên tiến; tặng giấy khen cho tập thể dân quân tự vệ cao nhất đến tiểu đoàn.

b) Công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Chiến sỹ tiên tiến, tặng Giấy khen cho cá nhân dân quân tự vệ cao nhất đến cán bộ tiểu đoàn.

6. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện:

a) Công nhận danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến, tặng Giấy khen đến cán bộ đại đội, thôn đội, chiến sỹ dân quân tự vệ.

b) Tặng giấy khen cho tập thể dân quân tự vệ cao nhất đến đại đội.

7. Thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu Bộ, ngành Trung ương đối với lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định tại Điều 79, 80, 81 của Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định cụ thể của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu Bộ, ngành Trung ương.

Điều 15. Quy trình xét khen thưởng

1. Đối với lực lượng dân quân tự vệ thuộc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban

chỉ huy quân sự cấp huyện quản lý:

a) Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, trung đội, đại đội dân quân tự vệ tổ chức bình xét danh hiệu thi đua và phát hiện các tập thể, cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo thẩm quyền.

b) Những trường hợp đề nghị cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng, cơ quan quân sự tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến (qua cơ quan thi đua, khen thưởng địa phương cùng cấp), sau đó tổng hợp, báo cáo đề nghị cơ quan quân sự cấp trên xem xét, quyết định khen thưởng (qua Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng).

c) Hội đồng (Ban) Thi đua, Khen thưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện chịu trách nhiệm giúp Chính ủy (Chính trị viên), chỉ huy đơn vị thực hiện quy trình xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Đối với tự vệ biển thuộc Quân chủng Hải quân quản lý:

a) Ban chỉ huy Hải đoàn, Hải đội tổ chức bình xét, tổng hợp, đề nghị Tư lệnh Quân chủng Hải quân xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với lực lượng tự vệ biển thuộc quyền (qua Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Quân chủng Hải quân).

b) Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Quân chủng Hải quân chịu trách nhiệm giúp Tư lệnh Quân chủng thực hiện quy trình xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Đối với tự vệ thuộc Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương quản lý:

a) Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương tổ chức bình xét danh hiệu thi đua và phát hiện các tập thể, cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng để ra quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc khen thưởng theo thẩm quyền.

b) Những trường hợp đề nghị cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng, Ban chỉ huy quân sự Bộ, ngành Trung ương tổng hợp, báo cáo người đứng đầu bộ, ngành trung ương xem xét, cho ý kiến, sau đó tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Cơ quan thường trực công tác Quốc phòng của Bộ Quốc phòng).

c) Cục Dân quân tự vệ tổng hợp, báo cáo Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng.

4. Quy trình thực hiện ở cấp Bộ Quốc phòng.

Các trường hợp đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ và Nhà nước khen thưởng thực hiện như sau:

a) Các đơn vị tổng hợp báo cáo Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng Tham mưu xem xét và thẩm định; hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Quốc phòng (qua Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng); Cơ quan thường

trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp báo cáo Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

b) Các trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Quốc phòng, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương Chiến công, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Dũng cảm, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp, xin ý kiến các cơ quan chức năng và các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng, tổng hợp báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng.

d) Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương Quân công, sau khi xin ý kiến cơ quan chức năng và được các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng cho ý kiến, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp báo cáo tập thể Thủ trưởng Tổng cục Chính trị; Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị trình Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương xét duyệt; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước quyết định khen thưởng.

đ) Các trường hợp đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp, xin ý kiến các cơ quan chức năng và báo cáo tập thể Thủ trưởng Tổng cục Chính trị; sau khi tập thể Thủ trưởng Tổng cục Chính trị cho ý kiến, tập thể Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng họp xét và bỏ phiếu kín; cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp báo cáo Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để trình Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương xét duyệt; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước quyết định khen thưởng.

Điều 16. Hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị chung của các cấp, gồm có:

- a) Tờ trình của đơn vị (do thủ trưởng đơn vị ký; đóng dấu);
- b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua hoặc khen thưởng;
- c) Bản báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua hoặc khen thưởng, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị Bộ Quốc phòng, gồm có:

- a) Tờ trình của đơn vị (do thủ trưởng đơn vị ký; đóng dấu);

- b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua hoặc khen thưởng;
- c) Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng;
- d) Bản báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có ý kiến đề nghị của cấp trình khen và xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý;
- đ) Bản tóm tắt thành tích do cấp trình khen tóm tắt ngắn gọn;
- e) Bản hiệp ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành trung ương;
- g) Bản xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (nếu là đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước).

Số lượng hồ sơ: Lập thành 04 bộ (bản chính dấu đỏ), riêng hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng, có thêm 21 bộ photocopy.

3. Nội dung báo cáo thành tích:

- a) Đặc điểm tổ chức và chức năng nhiệm vụ của đơn vị (với cá nhân là chức trách và cương vị đảm nhiệm);
- b) Thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm; ý nghĩa, giá trị và phạm vi ảnh hưởng của thành tích (trình khen theo tiêu chuẩn hình thức, mức khen nào thì nội dung báo cáo làm rõ thành tích theo tiêu chuẩn đó);
- c) Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị; xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể; thực hiện chính sách xã hội, tổ chức đời sống (nếu có);
- d) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã được tặng trước đó.

4. Hồ sơ đề nghị theo thủ tục đơn giản (áp dụng khen thưởng đột xuất):

- a) Tờ trình của đơn vị (do thủ trưởng đơn vị ký; đóng dấu);
- b) Danh sách đề nghị khen;
- c) Bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân (nêu rõ hành động, việc làm, thành tích cụ thể) có xác nhận của cấp trình khen và ý kiến của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức quản lý.

Số lượng hồ sơ: Lập thành 04 bộ (bản chính, dấu đỏ).

5. Thời gian báo cáo hồ sơ khen thưởng về Bộ Quốc phòng:

- a) Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua Bộ Quốc phòng: trước ngày 30 tháng 01 năm sau;
- b) Khen thưởng thường xuyên gồm: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng: Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;
- c) Khen thưởng đột xuất: Xét và làm thủ tục đề nghị khen thưởng kịp thời ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CÁCH TÍNH TIỀN THƯỞNG

Điều 17. Nguồn, mức trích quỹ; quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo Điều 53, 54, 55 Luật dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009. Điều 67, 68, 69 Nghị định 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và những quy định cụ thể về nguồn bảo đảm và việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng như sau:

1. Đối với tập thể, cá nhân dân quân tự vệ được cơ quan quân sự địa phương; cơ quan, tổ chức ở trung ương khen thưởng:

a) Nguồn kinh phí khen thưởng được trích trong ngân sách bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng, quân sự và tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thuộc quyền theo Luật dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009; Điều 67, 68, 69 Nghị định 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/01/2004 của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh;

b) Hằng năm, cơ quan quân sự các cấp; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở trung ương lập kế hoạch dự toán, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức cùng cấp xem xét quyết định.

2. Đối với tập thể, cá nhân dân quân tự vệ được Nhà nước, Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Quân khu, Quân chủng Hải quân khen thưởng:

a) Nguồn kinh phí khen thưởng được sử dụng trong quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Quốc phòng;

b) Hằng năm, Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị chủ trì phối hợp với Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng tham mưu và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng liên quan, lập kế hoạch dự toán ngân sách khen thưởng trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định. Cục Tuyên huấn có trách nhiệm phân bổ ngân sách, bảo đảm vật tư và hướng dẫn các đơn vị sử dụng ngân sách, vật tư khen thưởng cho lực lượng dân quân tự vệ.

Điều 18. Tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Cách tính tiền thưởng và chế độ ưu đãi:

Thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mức tiền thưởng:

Cục Tuyên huấn chủ trì, phối hợp với Cục Tài chính Bộ Quốc phòng xây dựng hướng dẫn liên Cục về mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Bãi bỏ Thông tư 179/2007/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2007 của Bộ Quốc phòng và những quy định trước đây của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng dân quân tự vệ trái với Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm các tổng cục, Tư lệnh các quân khu, quân chủng, binh đoàn, Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong quân đội; các bộ, ngành, trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Bộ Quốc phòng giao Cục Dân quân tự vệ thuộc Bộ Tổng Tham mưu là Cơ quan thường trực công tác Quốc phòng của Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục Chính trị và các cơ quan liên quan giúp Bộ Quốc phòng kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ, ngành trung ương, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKTTW (để báo cáo);
- VP Quốc hội; Ủy ban QP&AN của Quốc hội;
- Ban TĐKTTW;
- VP Chủ tịch nước; Văn phòng TW và các Ban Đảng;
- Thành viên HĐTĐKT-BQP;
- TMTT, Các Thứ trưởng BQP;
- BTMT, TCCT, TCHC, TCKT, TCCNQ, TCIE;
- Viện KSND tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ; cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các Tập đoàn, Tổng Cty;
- UBND và Bộ CHQS cấp tỉnh;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VP Chính phủ: BTCN, các PCN;
- Cổng Thông tin điện tử, Công báo;
- BTL các QK, QC, BC, BTLĐBĐP, BTL Thủ đô Hà Nội;
- Ban CHQS Bộ, ngành TW;
- Cục TH/TCCT; Cục DQTV/BTMT;
- Cục Tài chính, Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu VT. Tà 350 b.



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phùng Quang Thanh